Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9404.29.20

Mã HS	9404.29.20
Mô tả hàng hóa	Khung đệm; các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các loại tương tự (ví dụ, đệm, chăn quilt, chăn nhồi lông, nệm, đệm ghế loại dài và gối) có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lắp bên trong bằng vật liệu bất kỳ hoặc bằng cao su xốp hoặc plastic xốp, có hoặc không bọc / - Đệm: / - - Bằng các loại vật liệu khác: / - - - Loại khác, làm nóng/làm mát (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 20:01:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94042920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18577
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18577
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18577
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17884
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17813
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17813
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17813
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17813
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17813
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17813
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17869
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17869
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17869
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17869

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17869
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17869
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17870
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17870
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17870
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17870
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17870
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17870
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17875
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17832
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17827
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17827
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17827
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17827
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17827
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17827
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17873
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17873
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17873
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17873
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17873
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17873
VCFTA	2022	2022	12	VC!D17935
VCFTA	2023	2023	11	VC!E17935
VCFTA	2024	2024	9	VC!F17935
VCFTA	2025	2025	7	VC!G17935

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H17935
VCFTA	2027	2027	4	VC!I17935
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17913
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17913
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17913
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17913
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17913
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17913
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D17906
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E17906
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F17906
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G17906
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H17906
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17906
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17936
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17936
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17936
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17936
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17936
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17936
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17935
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17935
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17935
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17935
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17935
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17935

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18029
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18029
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18029
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18029
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18029
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18029
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18029
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D17898
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E17898
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F17898
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G17898
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H17898
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I17898
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D17898
RCEP B	2023	2023	20	B!E17898
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F17898
RCEP B	2025	2025	15	B!G17898
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H17898
RCEP B	2027	2027	10	B!I17898
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D17896
RCEP C	2023	2023	20	C!E17896
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F17896
RCEP C	2025	2025	15	C!G17896
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H17896
RCEP C	2027	2027	10	C!I17896
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D17895

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E17895
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F17895
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G17895
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H17895
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I17895
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D17899
RCEP E	2023	2023	20	E!E17899
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F17899
RCEP E	2025	2025	15	E!G17899
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H17899
RCEP E	2027	2027	10	E!I17899
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D17898
RCEP F	2023	2023	20	F!E17898
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F17898
RCEP F	2025	2025	15	F!G17898
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H17898
RCEP F	2027	2027	10	F!I17898
VIFTA	2024	2024	21,4	VI!F16774
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G16774
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H16774
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I16774

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9404.29 có 3 dòng thuế; dòng 9404.29.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, làm nóng/làm mát (SEN).	9404.29.10 Đệm lò xo; 9404.29.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9404.29.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9404.29.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18577), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.